

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	35/35	1,22 (m ² /HS)
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	35	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4086,2	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2281	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	A: 42-48 B: 50	1,23 m ² /HS
2	Diện tích thư viện (m ²)- 02 phòng	124	
3	Diện tích phòng đa chức năng (m ²)	100	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)- 01 phòng	35	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)- 02 phòng	95	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)- 02 phòng	55	
	Diện tích phòng STEM- 02 phòng	95	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng hoạt động Đội (m ²)	21	
10	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	96	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	35/35	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	35	
1.1	Khối lớp 1	7	1 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 2	7	1 bộ/ lớp
1.3	Khối lớp 3	7	
1.4	Khối lớp 4	7	
1.5	Khối lớp 5	7	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		15 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	38	1 bộ/ lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	Cát sét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Máy ảnh	1	
6	Máy phô tô	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	33,47
XI	Nhà ăn	270,56

	Nội dung	Số lượng phòng	Tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	35	1622	1060	1,53 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú	/	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	7m ²	5	27m ²	8	129,6 m ²	8	129,6 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0		0	

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	thbachdang.haiphong.edu.vn	
XIX	Tường rào xây	x	

Hồng Bàng, ngày 01 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương